

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN MẮT NAM ĐỊNH

Số: 322/QĐ-BVMNĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Bình, ngày 08 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cho hoạt động mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện Mắt Nam Định năm 2026-2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN MẮT NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-BVMNĐ ngày 08 tháng 05 năm 2026 của Bệnh viện Mắt Nam Định về việc ban hành quy trình mua sắm tại Bệnh viện Mắt Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-BVMNĐ ngày 15/06/2026 của Bệnh viện Mắt Nam Định về việc phê duyệt dự toán: Mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện Mắt Nam Định năm 2026-2027;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-BVMNĐ ngày 17/06/2026 của Bệnh viện Mắt Nam Định về việc phê duyệt mẫu hồ sơ thông báo mời tham dự xét chọn nhà cung cấp thuộc dự toán mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện Mắt Nam Định năm 2026-2027;

Căn cứ Thông báo số 73/TB-BVMNĐ ngày 18/06/2026 của Bệnh viện Mắt Nam Định về việc đề nghị gửi hồ sơ tham dự xét chọn nhà cung cấp hàng hóa cho hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027;

Căn cứ Hồ sơ tham dự xét chọn nhà cung cấp của các quý công ty, nhà cung cấp đã gửi về Bệnh viện Mắt Nam Định;

Căn cứ Báo cáo đánh giá hồ sơ xét chọn ngày 04/08/2026 của Tổ tư vấn;

Căn cứ Thư mời số 30/TM-BVMNĐ ngày 04/08/2026 của Bệnh viện Mắt Nam Định về việc chào lại giá hàng hoá có giá cao hơn giá dự toán được phê duyệt;

Căn cứ bảng chào lại giá của các nhà cung cấp đã nộp;

Căn cứ kết quả thương thảo hợp đồng với các nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn.

Xét đề nghị tại tờ trình số 02/TTr-TTV ngày 07/09/2026 của Tư vấn mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện Mắt Nam Định năm 2026-2027;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp cho hoạt động mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện Mắt Nam Định năm 2026-2027 bao gồm:

1. Thông tin:

- Tên dự toán: Mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động Nhà thuốc Bệnh viện Mắt Nam Định năm 2026-2027;
- Số thông báo : 73/TB-BVMNĐ, thời điểm đăng tải: 18/06/2026;
- Giá dự toán: 13.353.909.200 (Bằng chữ: Mười ba tỉ ba trăm năm mươi ba triệu chín trăm linh chín nghìn hai trăm đồng);
- Nguồn vốn: Từ nguồn thu hoạt động kinh doanh nhà kính, nhà thuốc và các nguồn thu hợp pháp khác;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng;

2. Thông tin về nhà cung cấp được lựa chọn:

STT	Tên nhà cung cấp	Mã số thuế	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	CÔNG TY TNHH AC PHARMA	0103001421	12 tháng kể từ ngày ký
2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	0104089394	12 tháng kể từ ngày ký
3	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW 2	0103053042	12 tháng kể từ ngày ký
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ SD VIỆT NAM	0101902075	12 tháng kể từ ngày ký
5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	0316417470	12 tháng kể từ ngày ký

6	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP	0101400572	12 tháng kể từ ngày ký
7	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT	0310211515	12 tháng kể từ ngày ký
8	CÔNG TY TNHH NOVOPHARM	0106915180	12 tháng kể từ ngày ký
9	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RIGHMED	0107541097	12 tháng kể từ ngày ký
10	CÔNG TY CỔ PHẦN SANTAV	0312124321	12 tháng kể từ ngày ký
11	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ TÂM THANH	0107698725	12 tháng kể từ ngày ký
12	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THANH PHƯƠNG	5200229798	12 tháng kể từ ngày ký
13	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT NGÀ	0104192560	12 tháng kể từ ngày ký

3. Thông tin về nhà cung cấp không được lựa chọn:

STT	Tên nhà cung cấp	Mã số thuế	Mã HH nhà cung cấp tham dự	Lý do nhà cung cấp không được lựa chọn
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẮNG PHÁT	0109775421	NT26.093	Hồ sơ tham dự xét chọn không hợp lệ
			NT26.046	
2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH THẢO	0104516504	NT26.077	Tính hợp lệ của thuốc không đạt

4. Thông tin về hàng hóa được lựa chọn:

Thông tin về hàng hóa được lựa chọn được nêu tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Giao Tổ tư vấn mua sắm, phòng Tài chính - kế toán, khoa

Dược - CNK và các khoa phòng chức năng liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Tài chính - kế toán, khoa Dược - CNK và các khoa phòng chức năng của bệnh viện Mắt Nam Định và Nhà cung cấp được lựa chọn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT, TTV, Dược-CNK.



Đặng Xuân Ngọc



Phụ lục kèm theo quyết định số 322/QĐ-BVMND ngày 08/09/2026 của Bệnh viện Mắt Nam Định

ST T	Mã HH	Tên thuốc	Tên hoạt chất/tên thành phần của thuốc	Đơn vị tính	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKL H hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá tham dự/chào lại	Thành tiền
C01. CÔNG TY TNHH AC PHARMA																
1	NT26.149	Regatonic	Retinyl acetate + DL- α -Tocopheryl acetate + Cao Vaccinium myrtillus + L-Citrulline + N-acetyl-L-aspartic acid + Pyridoxine hydrochloride	Viên	Uống	Viên nang mềm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	4	36 tháng	893110 222524	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên	80.000	6.450	516.000.000
C02. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI																
2	NT26.132	Pilo Drop	Pilocarpin hydrochlorid (tương đương pilocarpin 1,7% (w/v))	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 ống x 5ml	4	36 tháng	893110 735424	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	100	45.000	4.500.000
3	NT26.133	Q-mumasa	Natri clorid (không chất bảo quản)	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 vỉ x 5 ống 10ml	4	36 tháng	893100 105923 (VD-22002-14)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	8.000	4.800	38.400.000
4	NT26.134	Natamin	Natamycin	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 ống x 5ml	4	24 tháng	893110 090100	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	500	350.000	175.000.000
5	NT26.135	Ketofen-Drop	Ketotifen (dưới dạng Ketotifen fumarat)	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 10 ống 0,4ml	4	48 tháng	893110 880124 (VD-	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	12.000	5.500	66.000.000

											31073-18)	phẩm CPC1 Hà Nội					
6	NT26 .136	Uni- Porimun	Cyclosporin	0,1% (w/v)	Nhỏ mắt	Nhũ tương nhỏ mắt	Hộp 4 vỉ x 5 ống x 0,3ml	4	36 tháng	893110 735924	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	500	16.800	8.400.000	
7	NT26 .137	Lotepred	Loteprednol etabonate	0,5% (w/v)	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 ống x 5 ml	4	30 tháng	893110 451723	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	200	175.600	35.120.000	
8	NT26 .138	Uni- Atropin	Atropin sulfat	10mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 20 ống x 0,5ml	4	36 tháng	893114 203225 (VD- 34673- 20)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	1.500	12.600	18.900.000	

C03. Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW 2

9	NT26.018	Cravit	Levofloxacin hydrat	25mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5 ml	BD	36 tháng	VN-19340-15	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	2.000	88.515	177.030.000
10	NT26.028	Oflovid	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5 ml	BD	36 tháng	VN-19341-15	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	1.750	55.872	97.776.000
11	NT26.038	Sanlein 0,1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	BD	36 tháng	VN-17157-13	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.	Nhật Bản	Lọ	5.000	68.250	341.250.000

12	NT26 .064	Sancoba	Cyanocobalamin	1mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5 ml	1	36 tháng	VN- 19342- 15	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	1.500	57.750	86.625.000
13	NT26 .066	Cravit 1.5%	Levofloxacin hydrat	75mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5 ml	1	36 tháng	VN- 20214- 16	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	4.500	115.999	521.995.500
14	NT26 .067	Mydrin-P	Tropicamid; Phenylephrin hydrochlorid	50mg/ 10ml + 50mg/ 10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 10ml	1	30 tháng	499110 415423	Santen Pharmac eutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật Bản	Lọ	25	67.500	1.687.500
15	NT26 .068	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5 ml	1	36 tháng	VN- 19343- 15	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	3.500	126.000	441.000.000
16	NT26 .070	Kary Uni	Pirenoxin	0,25mg/5 ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5ml	1	36 tháng	499110 080823	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	500	32.424	16.212.000
17	NT26 .071	Taflotan	Tafloprost	0,0375mg g/2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 2,5 ml	1	36 tháng	VN- 20088- 16	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy	Nhật Bản	Lọ	100	244.799	24.479.900

18	NT26 .072	Diquas	Natri diquafosol	150mg/5 ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5ml	1	36 tháng	499110 530324	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	300	129.675	38.902.500
19	NT26 .073	Cosopt	Dorzolamid (dưới dạng dorzolamid hydrochlorid); Timolol (dưới dạng timolol maleat)	100mg/5 ml + 25mg/5ml l	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	1	36 tháng	499110 358024	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	250	210.000	52.500.000
C04. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ SD VIỆT NAM																
20	NT26 .147	Kogimin	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin B12, Vitamin C, Vitamin PP, Acid folic, Calci pantothenat, Calci lactate, Đồng sulfat, Sắt fumarat, Kali iod	1250IU+ 250IU+5 mg+2mg +2mg+3 mcg+50 mg+ 18mg+20 0mcg+5 mg+147, 3mg +1,02mg +60,6 mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 12 vi x 5 viên	4	36 tháng	893100 074600 (VD- 19528- 13)	Công ty Cổ phần Dược TW Mediplan tex	Việt Nam	Viên	140.000	2.900	406.000.000

[illegible]

28	NT26.057	Simbrinza	Brinzolamid + Brimonidin tartrat	10mg/ml + 2mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ đếm giọt Droptainer 5ml	1	24 tháng	VN3-207-19 (Có QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022)	Novartis Manufacturing NV	Bi	Lọ	100	220.035	22.003.500
29	NT26.058	Azarga	Brinzolamide + Timolol (dưới dạng Timolol maleate)	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	1	24 tháng	540110 079123	Novartis Manufacturing NV	Bi	Lọ	350	310.800	108.780.000
30	NT26.059	Pataday	Olopatadine hydrochloride	0,2%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 chai 2,5ml	1	24 tháng	VN-13472-11 (Có QĐ gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Alcon Research, LLC.	Mỹ	Chai	200	131.099	26.219.800
31	NT26.060	Maxitrol	Dexamethason + Neomycin sulfat + Polymyxin B sulfat	(1mg + 3500IU + 6000IU)/gram	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Hộp 1 tuýp 3,5g	1	36 tháng	540110 522824	Novartis Manufacturing NV	Bi	Tuýp	1.000	51.900	51.900.000
32	NT26.061	Systane Ultra	Polyethylene glycol 400 + Propylen glycol	0,4% + 0,3%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	1	24 tháng	VN-19762-16 (Có QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022)	Alcon Research, LLC	Mỹ	Lọ	6.000	60.100	360.600.000
33	NT26.062	Alcaine 0,5%	Proparacain hydroclorid	0,5% (w/v)	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	1	30 tháng	540110 001624	Novartis Manufacturing NV	Bi	Lọ	500	53.163	26.581.500

34	NT26 .065	Levo JP Eye Drops 0.5%	Levofloxacin Hydrate	5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 01 lọ 5ml	1	36 tháng	499115 028826	Wakamo to Pharmac eutical Co., Ltd. Sagami Ohi Factory	Nhật	Lọ	100	84.000	8.400.000
35	NT26 .069	Tearbalanc e Ophthalmi c solution 0.1%	Natri hyaluronat	1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	1	36 tháng	VN- 18776- 15 (Có QĐ gia hạn số 853/Q Đ-QLD ngày 30/12/2 022)	Senju Pharmac eutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	Lọ	7.000	55.913	391.391.000
36	NT26 .078	Restasis	Cyclosporin	0.05% (0.5mg/g)	Nhỏ mắt	Nhũ tương nhỏ mắt	Hộp 30 ống x 0.4ml	1	24 tháng	001110 524024 VN-	Allergan Sales, LLC	Mỹ	Ống	3.000	17.906	53.718.000
37	NT26 .079	Relestat	Epinastine HCl	0.5mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	1	24 tháng	19769- 16 (Có QĐ gia hạn số 573/Q Đ-QLD ngày 23/09/2 022)	Allergan Pharmac euticals Ireland	Irelan d	Lọ	1.500	82.000	123.000.000
38	NT26 .080	Refresh Tears	Natri Carboxymethyl cellulose	0.5%	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 15ml	1	24 tháng	VN- 19386- 15 (Có QĐ gia hạn số 265/Q Đ-QLD ngày 11/05/2 022)	Allergan Sales, LLC	Mỹ	Lọ	3.000	78.000	234.000.000

39	NT26.081	Lumigan	Bimatoprost	0,3mg/3ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ chứa 3ml dung dịch trong lọ dung tích 5ml	1	24 tháng	539110 075023	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	Lọ	100	252.079	25.207.900
40	NT26.084	Bronuck ophthalmic solution 0.1%	Bromfenac natri hydrate	1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	1	18 tháng	VN-20626-17 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	Lọ	5.000	128.000	640.000.000
41	NT26.092	Medrol	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	800110 991824	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	5.000	3.930	19.650.000
42	NT26.155	Medrol	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1	36 tháng	800110 406323	Pfizer Italia S.R.L.	Italy	Viên	15.000	1.105	16.575.000

C06. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MERAP

43	NT26.131	Navaldo	Mỗi 5ml chứa: Fluorometholon acetat	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhóm 4	24 tháng	893110 087324 (VD-30738-18)	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	2.000	22.000	44.000.000
----	----------	---------	-------------------------------------	---------	---------	------------------	----------------	--------	----------	-----------------------------	--------------------------------	----------	----	-------	--------	------------

C08. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT

44	NT26.151	Quinovid Ophthalmic Ointment	Ofloxacin	10,5mg/3,5g ; 3,5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Hộp 1 tuýp 3,5g	N2	36 tháng	880115 792224	Hanlim Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	Tuýp	4.000	47.985	191.940.000
45	NT26.152	Octavic	Ofloxacin	3mg/ml ; 5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	N2	36 tháng	880115 038225	Unimed Pharmac	Hàn Quốc	Lọ	4.000	31.080	124.320.000

[illegible]

54	NT26 .038	Sanlein 0.1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	BD	36 tháng	VN- 17157- 13	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	5.000	68.250	341.250.000
55	NT26 .064	Sancoba	Cyanocobalamin	1mg/ 5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5 ml	1	36 tháng	VN- 19342- 15	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	1.500	57.750	86.625.000
56	NT26 .066	Cravit 1.5%	Levofloxacin hydrat	75mg/5ml l	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5 ml	1	36 tháng	VN- 20214- 16	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	4.500	115.999	521.995.500
57	NT26 .067	Mydrin-P	Tropicamid; Phenylephrin hydroclorid	50mg/ 10ml + 50mg/ 10ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 10ml	1	30 tháng	499110 415423	Santen Pharmac eutical Co., Ltd., Nhà máy Shiga	Nhật Bản	Lọ	25	67.500	1.687.500
58	NT26 .068	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml l	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5 ml	1	36 tháng	VN- 19343- 15	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	3.500	126.000	441.000.000
59	NT26 .070	Kary Uni	Pirenixin	0,25mg/5 ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5ml	1	36 tháng	499110 080823	Santen Pharmac eutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	500	32.424	16.212.000

60	NT26 .071	Taflotan	Tafluprost	0,0375mg/2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 2,5 ml	1	36 tháng	VN-20088-16	Cơ sở sản xuất: Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shiga; Cơ sở đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	100	244.799	24.479.900
61	NT26 .072	Diquas	Natri diquafosol	150mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 Lọ x 5ml	1	36 tháng	499110 530324	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	300	129.675	38.902.500
62	NT26 .073	Cosopt	Dorzolamid (dưới dạng dorzolamid hydroclorid); Timolol (dưới dạng timolol maleat)	100mg/5ml + 25mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	1	36 tháng	499110 358024	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	250	210.000	52.500.000
63	NT26 .048	Taptiqom-MD	Tafluprost + Timolol (dưới dạng Timolol maleat)	0,015mg/ml + 5mg/ml; 2,5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 2,5ml	5	36 tháng	VN-23252-22	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật Bản	Lọ	300	262.399	78.719.700